

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THƯƠNG NGUỒN ĐẾN
AN NINH NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**
(Từ tháng 7 - tháng 12/2026)

THUỘC NHIỆM VỤ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN, KHAI THÁC SỬ DỤNG NƯỚC Ở
THƯƠNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG PHỤC VỤ GIÁM SÁT AN NINH NGUỒN
NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2025-2026

**NỘI DUNG 1: CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÒNG
CHẢY VÀ NGUỒN NƯỚC, SỬ DỤNG NƯỚC Ở THƯƠNG NGUỒN
SÔNG MÊ CÔNG**

1.1. Các hoạt động xây dựng và phát triển trên lưu vực Mê Công

Các hoạt động phát triển trên lưu vực đáng chú ý là các hoạt động xây dựng và phát triển thủy điện. Theo thông tin cập nhật phát triển thủy điện trên lưu vực từ Ủy hội sông Mê Công quốc tế và rà soát thông tin từ các nguồn khác, từ các quốc gia, tổng dung tích hữu ích của các hồ chứa hiện có trên lưu vực vào khoảng 65,56 tỷ m³, trong đó Trung Quốc có 12 hồ với tổng dung tích hữu ích là 23,40 tỷ m³; Lào có 100 hồ với tổng dung tích hữu ích khoảng 35,50 tỷ m³; Thái Lan có 7 hồ với tổng dung tích hữu ích là 3,58 tỷ m³; Campuchia có 2 hồ với tổng dung tích hữu ích là 0,33 tỷ m³; và phía Tây Nguyên của Việt Nam có 14 hồ với tổng dung tích hữu ích là 2,75 tỷ m³. Lượng trữ của các hồ này và vận hành thủy điện hiện nay được xem là có vai trò quyết định đến chế độ dòng chảy xuống hạ lưu.

Các hoạt động xây dựng phát triển khác: Thông tin về các dự án đầu tư xây dựng công trình bên dòng chính và nhánh sông Mê Công của Lào thuộc dự án Quản lý Rủi ro Thiên tai II khu vực Đông Nam Á, bao gồm việc xây dựng các kè bảo vệ ngập lụt bờ sông Mê Công và các nhánh sông tại các thành phố Muang Xay thuộc tỉnh Oudomxay, Luang Prabang thuộc tỉnh Luang Prabang và Paksan thuộc tỉnh Bolkhamxay với tổng chiều dài khoảng 19,33km. Các ảnh hưởng từ các hoạt động dự án này xuống hạ lưu được xem là **không đáng kể**.

Các hoạt động phát triển khác như dự án kênh giao thông thủy Funal Techo của Campuchia đã xong đoạn 1. Ngày 12/4/2026 Campuchia đã làm lễ khởi công đoạn 2 của dự án kênh đào Funal (Dự án Quản lý tài nguyên nước tổng hợp Funal

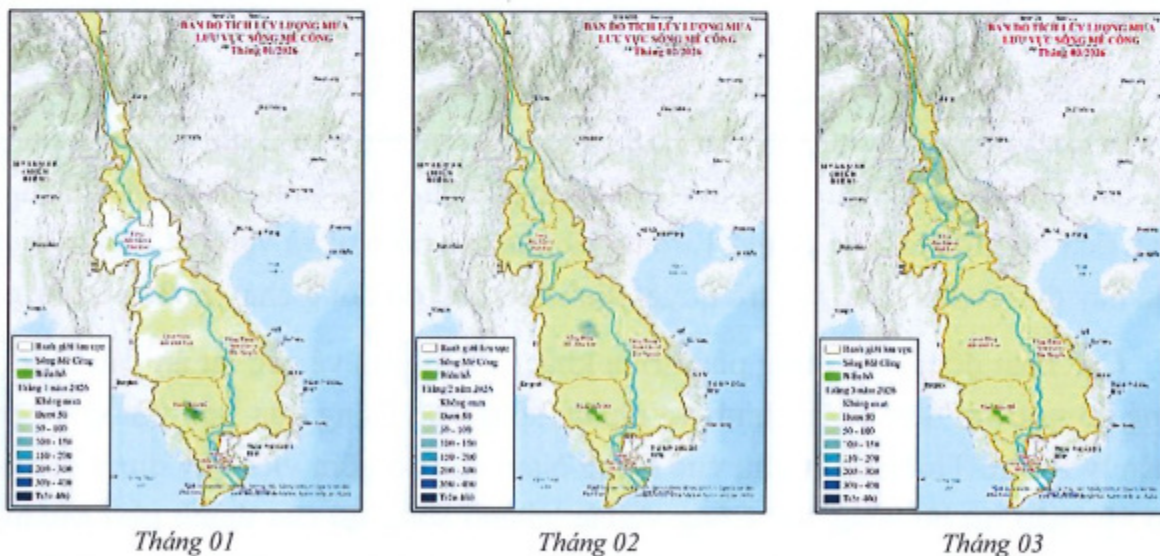
Techo) thuộc tỉnh Takeo. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành năm 2029, các thông tin về dự án sẽ tiếp tục được cập nhật. **Như vậy những quan ngại dự án kết hợp tưới phục vụ nông nghiệp là có căn cứ.**

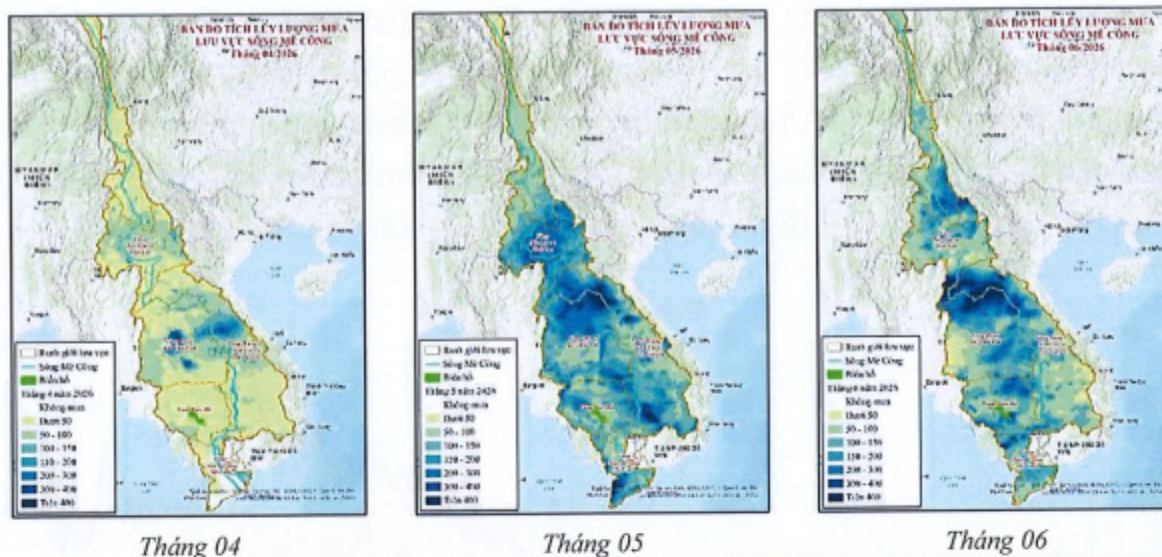


Hình 1: Một số hình ảnh động thổ đoạn 2 dự án Funal Techo, 12/04/2026 (theo Xinhua)

1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công

Kết quả phân tích số liệu từ ảnh vệ tinh về mưa trên lưu vực sông Mê Công từ đầu tháng 01/2026 đến hết tháng 6/2026 cho thấy, ngay từ giữa tháng 5/2026 đã xuất hiện mưa sớm với tổng lượng trung bình trên toàn lưu vực từ 50-200mm, trong đó khu vực Thượng Lào có vũ lượng trên 700mm; tháng 6/2026 tổng lượng mưa có phần giảm hơn tháng 5, trung bình từ 50-180 có nơi lên đến hơn 600mm (khu vực Thượng Lào) (Hình 1).





Nguồn: số liệu mưa từ GSMAP ([JAXA Global Rainfall Watch \(GSMaP\)](#));
Thiết lập hình ảnh minh họa mưa trên lưu vực bởi SIWRR

Hình 2: Cập nhật diễn biến mưa trên lưu vực Mê Công tháng 01 đến 6/2026

1.3. Diễn biến dòng chảy trên dòng chính lưu vực Mê Công

Cập nhật thông tin diễn biến dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công từ đầu tháng 1/2026 đến hết tháng 6/2026 được đưa ra ở bảng 2 cho thấy, tổng lượng dòng chảy trên ở các trạm điển hình trên dòng chính sông Mê Công đều cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN(2013-2025)) khoảng 6-6,5%. Tổng lượng dòng chảy về đến Kratie-trạm thủy văn đầu nguồn châu thổ Mê Công khoảng 77,8 tỷ m³, tổng lượng dòng chảy lớn hơn TBNN chỉ khoảng 5,5 tỷ m³, tương đương với 6,2% so với TBNN.

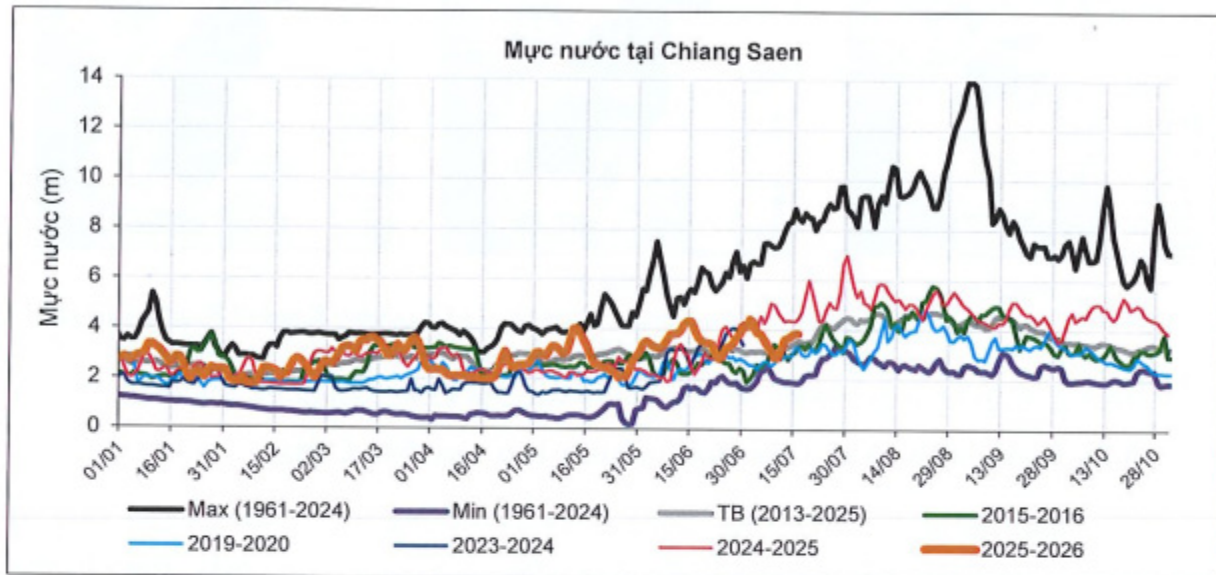
Bảng 1: Diễn biến lưu lượng và lũy tích dòng chảy các trạm dòng chính Mê Công giai đoạn tháng 1-tháng 6/2026

TT	Thông tin giám sát	Đơn vị	Các trạm thủy văn		
			Chiang Saen	Pakse	Kratie
1	LLBQ T1/2026	m ³ /s	1.425	3.535	5.051
2	LLBQ T2/2026	m ³ /s	1.051	2.793	4.012
3	LLBQ T3/2026	m ³ /s	1.865	3.613	4.473
4	LLBQ T4/2026	m ³ /s	1.178	3.360	4.336
5	LLBQ T5/2026	m ³ /s	1.678	4.744	5.328
6	LLBQ T6/2026	m ³ /s	2.270	5.711	6.572
7	W ₂₆ (T1-T6)	Tỷ m ³	24,9	62,3	77,8
8	W _{TBNN} (T1-T6)	Tỷ m ³	23,4	58,5	73,3
9	So sánh W ₂₅ -W _{TBNN}	Tỷ m ³	1,5	3,8	5,5
10	% khác biệt 2026 so với TBNN	%	6,5%	6,5%	6,2%

Ghi chú:

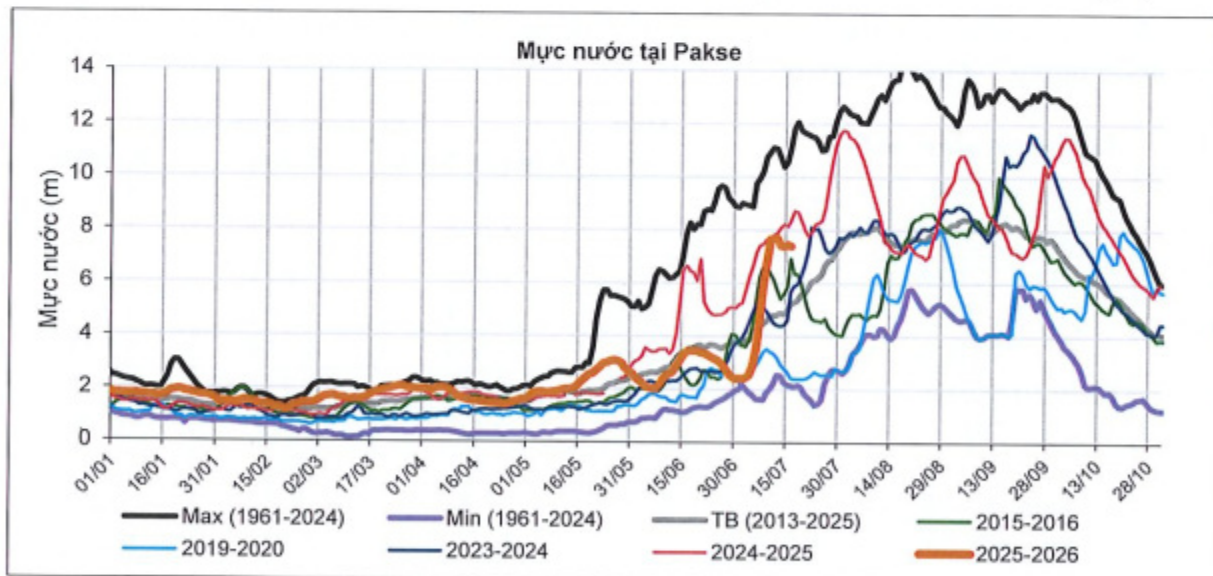
- LLBQ: Lưu lượng bình quân (m³/s)
- TBNN: Trung bình nhiều năm
- T: Tháng
- W₂₆(1-6): Tổng lượng dòng chảy từ tháng 1 đến tháng 6/2026 (tỷ m³)
- W_{TBNN}(1-6): Tổng lượng bình quân nhiều năm dòng chảy từ tháng 1 đến tháng 6 (tỷ m³) giai đoạn 2013-2025

Tổng lượng dòng chảy qua trạm Chiang Saen (Thái Lan) từ đầu tháng 1/2026 đến 6/2026 khoảng 24,9 tỷ m³, so sánh với TBNN giai đoạn 2013-2025 ở mức cao hơn khoảng 1,5 tỷ m³, tương đương 6,5%. Diễn biến mực nước trạm Chiang Saen đến hiện nay so với một số năm thể hiện trên hình dưới: mực nước hiện tại là 3,85m, cao hơn so với TBNN khoảng 0,31m, thấp hơn năm 2025 khoảng 0,61m.



Hình 3: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen – Thái Lan

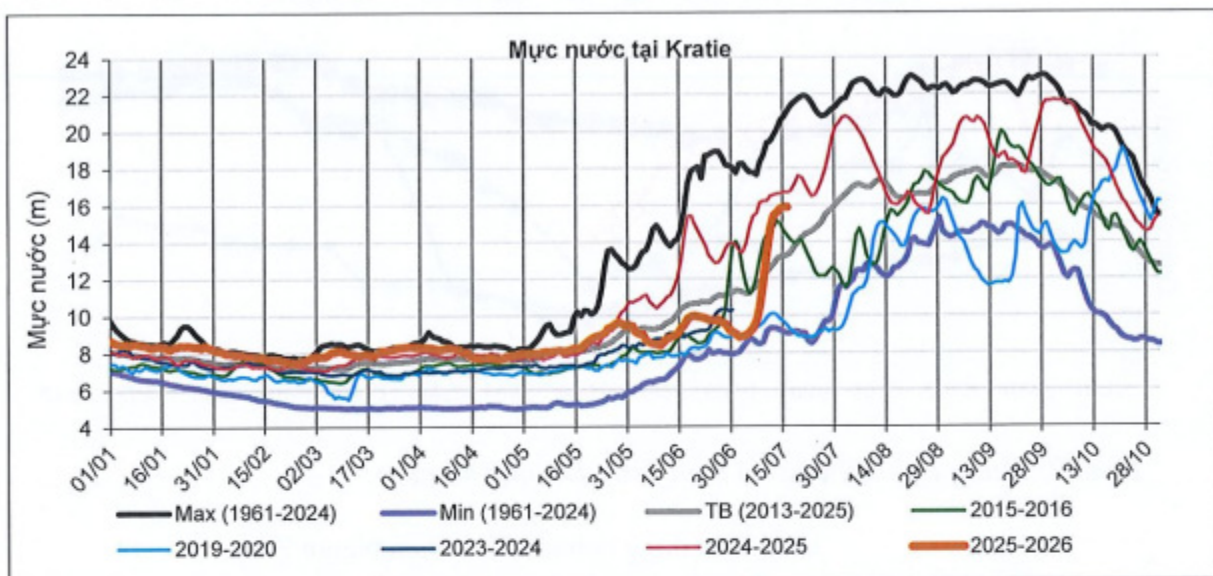
Tại Pakse (Lào), tổng lượng dòng chảy qua đây đạt khoảng 62,3 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2025) khoảng 3,8 tỷ m³, tương đương 6,5%. Diễn biến mực nước trạm Pakse đến hiện nay so với một số năm thể hiện ở hình dưới: mực nước hiện tại là 7,40m, cao hơn so với TBNN 2,14m, thấp hơn năm 2025 khoảng 0,96m.



Hình 4: Diễn biến mực nước tại Pakse – Lào

Tại Kratie (Campuchia), tổng lượng dòng chảy qua đây đạt khoảng 77,8 tỷ m³, cao hơn TBNN (2013-2025) khoảng 5,5 tỷ m³, tương đương với 6,2% so với

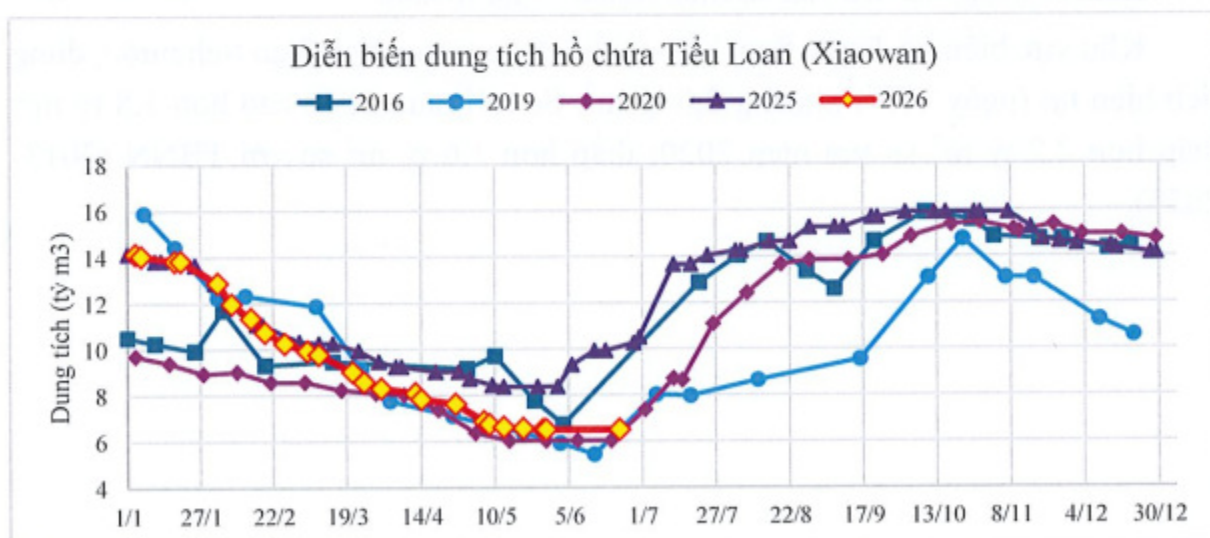
TBNN. Mức nước hiện tại ở Kratie là 15,88m, cao hơn so với TBNN khoảng 2,61m, thấp hơn năm 2025 khoảng 0,79m.



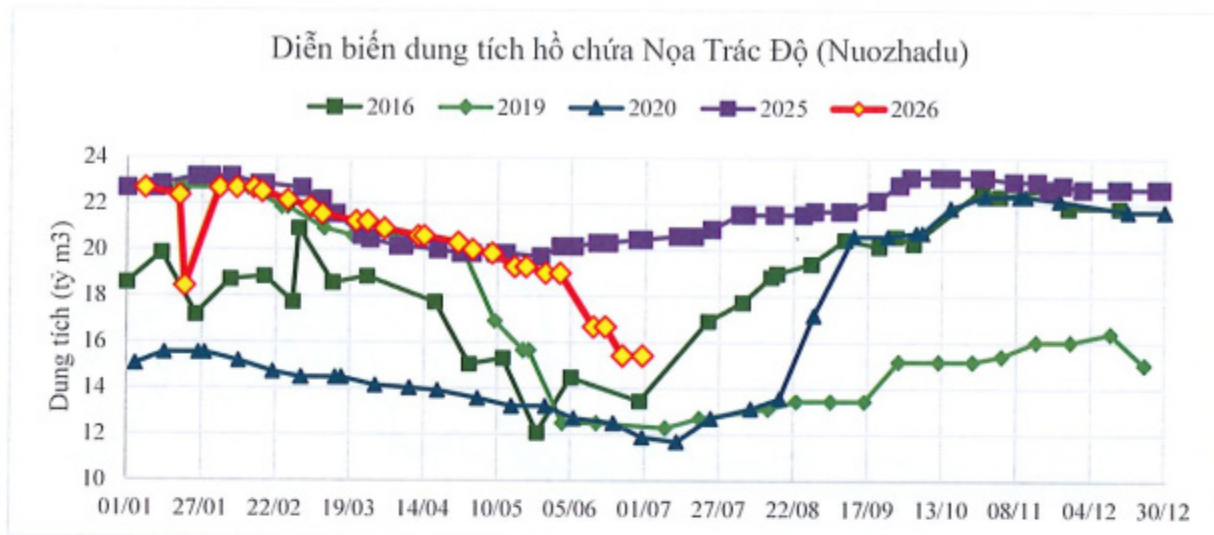
Hình 5: Diễn biến mực nước tại Kratie – Campuchia

1.4. Lượng trữ các hồ chứa trên lưu vực Mê Công và biển hồ Tonle Sap

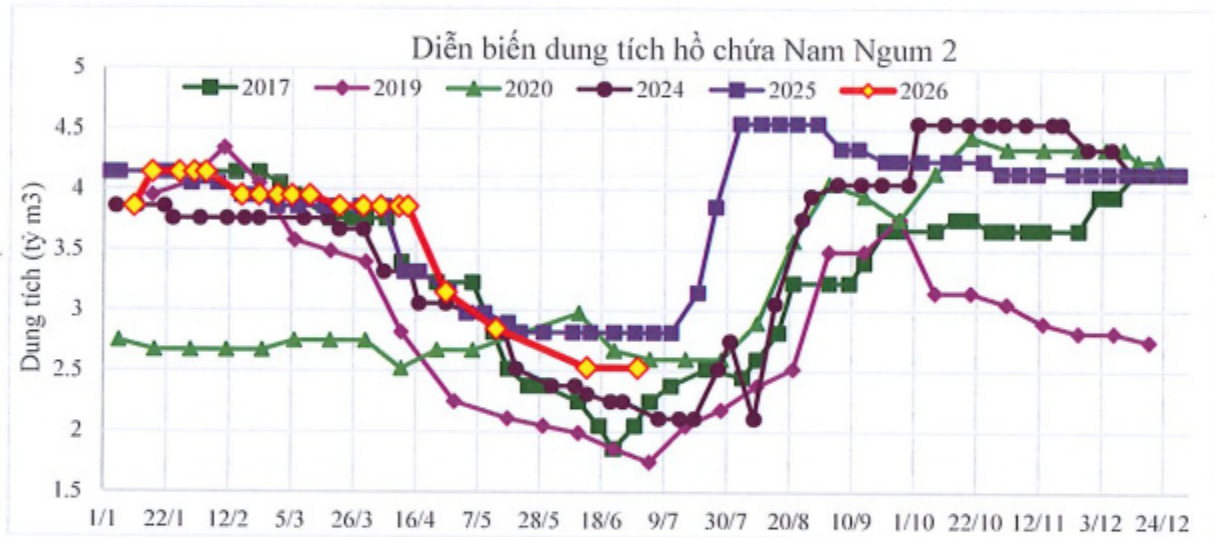
Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công từ đầu năm đến nay cho thấy, tổng dung tích nước các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công còn khoảng 18,25 tỷ m³. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 7,25 tỷ m³, tương đương với 30,5% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích hữu ích các hồ chứa trên lưu vực có thể điều tiết cho hạ lưu là 11,00 tỷ m³. So với cùng kỳ năm 2024 thấp hơn 5,24 tỷ m³, so với năm 2025 thấp hơn 16,22 tỷ m³.



Hình 6: Dung tích trữ của hồ Tiểu Loan một số năm

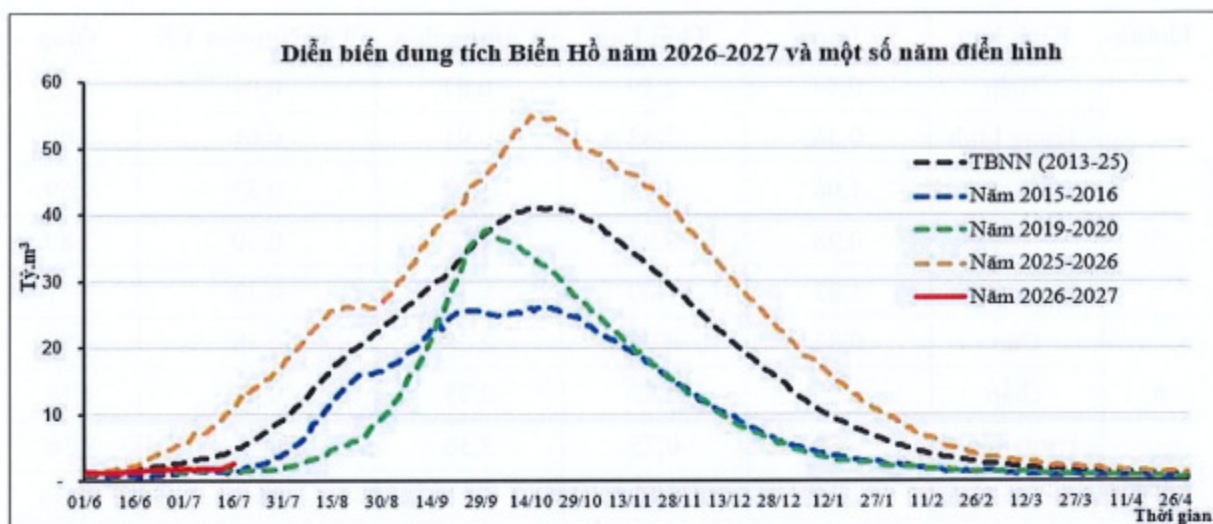


Hình 7: Dung tích trữ của hồ Nọa Trác Độ một số năm



Hình 8: Dung tích trữ của hồ Nam Ngum 2 một số năm

Khu vực biển hồ Tonle Sap, hiện tại hồ đang trong giai đoạn tích nước, dung tích hiện tại (ngày 17/7) khoảng 2,6 tỷ m³. So với năm 2016 cao hơn 1,8 tỷ m³; thấp hơn 2,2 tỷ m³ so với năm 2020; thấp hơn 1,6 tỷ m³ so với TBNN (2013-2025).



Hình 9: Dung tích Biển hồ Tonle Sap năm 2026 và một số năm

1.5. Nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực Mê Công

Dự báo nhu cầu sử dụng nước (NCN) trên phần lãnh thổ của các quốc gia trên lưu vực Mê Công (không kể vùng ĐBSCL) trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 12/2026 cho thấy tổng NCN trung bình khoảng 19,36 tỷ m³, tập trung chủ yếu ở Campuchia và Thái Lan. Trong thời kỳ mùa lũ dòng chảy được xem là dồi dào hơn mùa kiệt do có nguồn cung lớn từ mưa tuy nhiên, thời gian nửa cuối năm 2026 được dự báo chịu tác động bởi khả năng El-Nino lịch sử với khả năng xảy ra hơn 90% làm cho dự báo nguồn nước là khó lường, nước về nửa đầu tháng 7 thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm. Trong khi đó, nắng nóng, nhiệt độ cao làm nhu cầu nước gia tăng có thể kéo dài thời gian nước về đồng bằng thấp hơn trung bình nhiều năm.

Bảng 2: Tổng hợp tính toán nhu cầu nước của các quốc gia thượng lưu ĐBSCL 06 tháng cuối năm 2026

Đơn vị: tỷ m³

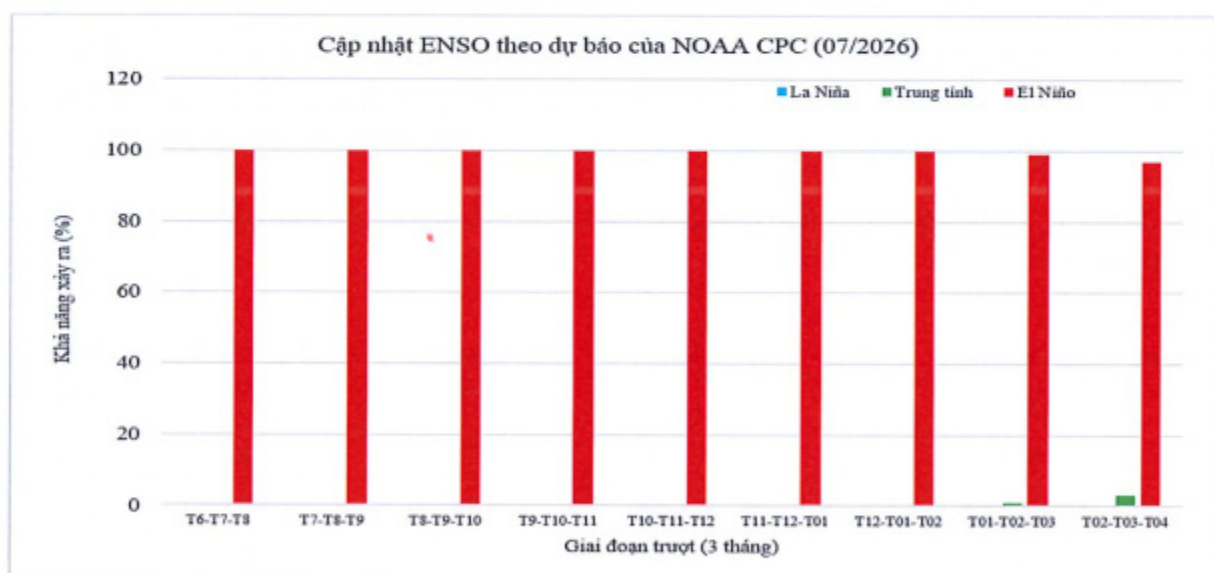
Tháng	Kịch bản	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
1	Cao	0,16	1,76	0,61	0,02	2,78
	Thấp	0,15	1,60	0,55	0,02	2,32
	Trung bình	0,15	1,68	0,58	0,02	2,43
2	Cao	0,03	1,81	0,55	0,02	2,63
	Thấp	0,03	1,65	0,50	0,02	2,30
	Trung bình	0,03	1,73	0,53	0,02	2,30
3	Cao	0,16	1,76	0,61	0,02	2,78
	Thấp	0,03	2,19	0,32	0,02	3,07
	Trung bình	0,09	1,98	0,47	0,02	2,55
4	Cao	0,49	2,74	0,95	0,01	5,33

Tháng	Kịch bản	Lào	Thái Lan	Campuchia	Tây Nguyên VN	Tổng
	Thấp	0,44	2,49	0,87	0,01	4,57
	Trung bình	0,46	2,62	0,91	0,01	4,00
5	Cao	1,08	1,05	1,42	0,33	4,59
	Thấp	0,98	0,95	1,29	0,30	3,89
	Trung bình	1,03	1,00	1,36	0,32	3,71
6	Cao	0,82	0,79	2,48	0,48	4,98
	Thấp	0,75	0,72	2,25	0,44	4,15
	Trung bình	0,78	0,75	2,36	0,46	4,36
Tổng mùa (TB)		2.56	9,75	6,21	0,84	19,36

NỘI DUNG 2: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO THEO CÁC KỊCH BẢN CÁC TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ AN NINH NGUỒN NƯỚC Ở ĐBSCL

2.1. Cập nhật trạng thái ENSO

Theo IRI (International Research Institute for Climate and Society – Viện nghiên cứu Khí hậu và Xã hội toàn cầu) và CPC (Climate Prediction Center), dự báo cập nhật đến 7/2026 cho thấy, điều kiện El Niño vẫn sẽ tiếp tục chiếm ưu thế hoàn toàn trong giai đoạn đến 02/2027 với xác suất lên đến 100%.



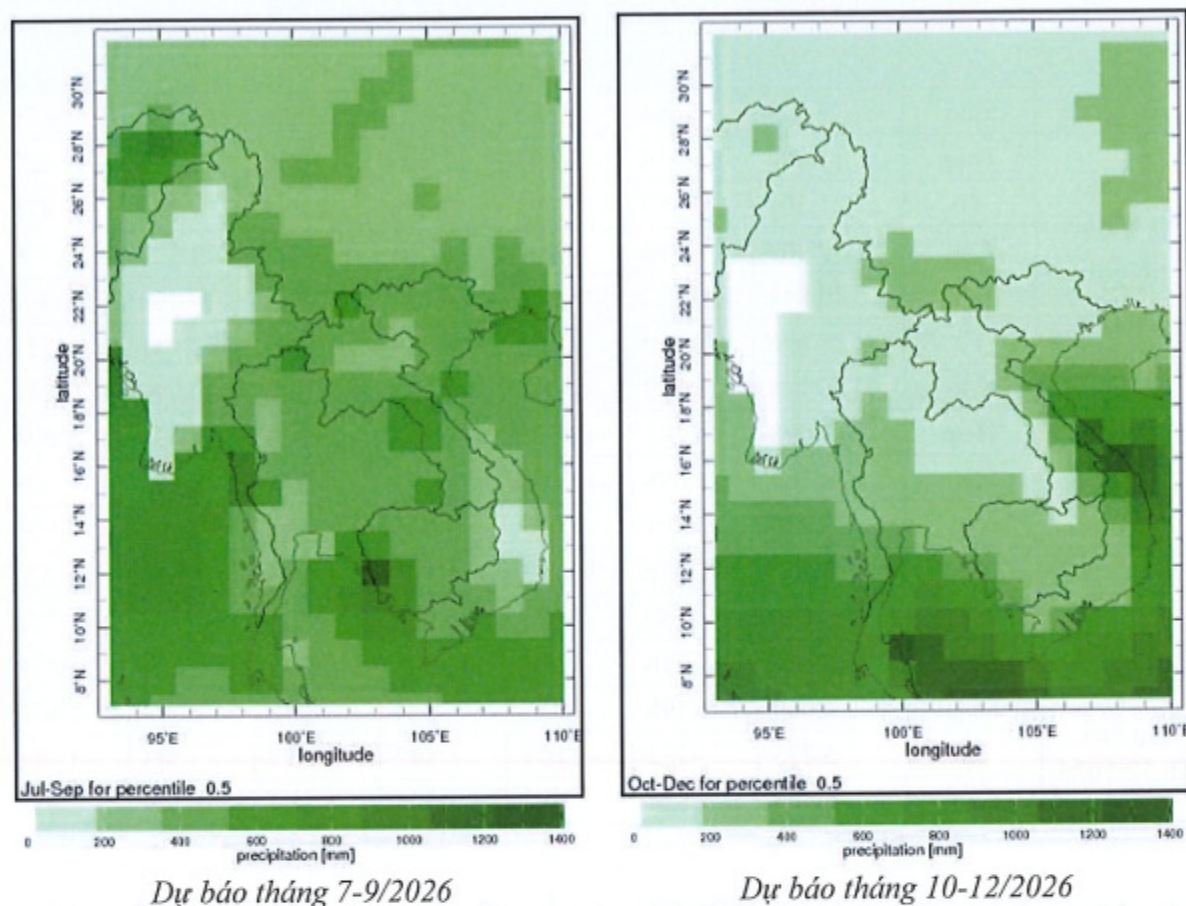
Nguồn: CPC (https://www.cpc.ncep.noaa.gov/products/analysis_monitoring/enso/roni/probabilities/)

Hình 10: Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO mùa kiệt 2026-2027

2.2. Cập nhật dự báo mưa

Theo dự báo khả năng xuất hiện mưa trên lưu vực Mê Công của IRI cho thấy, hầu hết diện tích lưu vực trong các tháng mùa mưa từ tháng 07-09/2026 có mưa xuất hiện ở mức từ 300-600mm, có nơi lên đến 1.000mm; trong giai đoạn từ tháng

10-12/2026 mưa xuất hiện có phần giảm hơn so với giai đoạn trước đó, tổng lượng mưa dự báo giao động từ 200-500mm, có nơi lên đến 800mm.



Nguồn: IRI

Hình 11: Dự báo khả năng xuất mưa (mm) ở bách phân vị thứ 50

2.3. Dự báo dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie theo các kịch bản

Dựa vào tình hình khí hậu, lượng mưa dự báo và các kịch bản vận hành thủy điện, sử dụng nước thượng lưu, các kịch bản tính toán nguồn nước về Kratie được thiết lập và được đưa ra tại Bảng 3. Các kết quả được tổng hợp ở các mức độ tiềm năng nguồn nước theo thứ tự: Thấp, Trung bình (Tb) và Cao; kết quả cũng so sánh với TBNB và một số năm gần đây để có cái nhìn tổng quát khả năng nguồn nước có thể đến đầu nguồn ĐBSCL trong những tháng tới.

Bảng 3: Dự báo lưu lượng trung bình về Kratie các tháng mùa kiệt năm 2026

Tháng	Kịch bản	Lưu lượng tại Kratie Q (m ³ /s)	So sánh lưu lượng tăng/giảm các tháng dự báo 6 tháng cuối năm 2026 với cùng thời kỳ một số năm gần đây					
			TB (2013-2025)	2025	2024	2023	2020	2016
Th.6/2026		6.572	-1.795	-7.076	+198	+222	+1.878	+575
Dự báo Th.7/2026	Thấp	10.513	-6.376	-14.811	-9.259	-1.786	3.942	-4.763
	Tb	17.234	345	-8.090	-2.538	4.935	10.663	1.958

Tháng	Kịch bản	Lưu lượng tại Kratie Q (m ³ /s)	So sánh lưu lượng tăng/giảm các tháng dự báo 6 tháng cuối năm 2026 với cùng thời kỳ một số năm gần đây					
			TB (2013-2025)	2025	2024	2023	2020	2016
	Cao	23.955	7.066	-1.369	4.183	11.656	17.384	8.679
Dự báo Th.8/2026	Thấp	11.600	-16.216	-17.893	-13.509	-14.350	-5.575	-9.023
	Tb	21.501	-6.315	-7.992	-3.608	-4.449	4.326	878
	Cao	31.402	3.586	1.909	6.293	5.452	14.227	10.779
Dự báo Th.9/2026	Thấp	20.844	-10.122	-16.828	-16.031	-9.339	4.789	-8.073
	Tb	28.496	-2.470	-9.176	-8.379	-1.687	12.441	-421
	Cao	36.148	5.182	-1.524	-727	5.965	20.093	7.231
Dự báo Th.10/2026	Thấp	15.098	-6.141	-17.522	-6.197	-9.824	-7.630	-5.094
	Tb	20.164	-1.075	-12.456	-1.131	-4.758	-2.564	-28
	Cao	25.230	3.991	-7.390	3.935	308	2.502	5.038
Dự báo Th.11/2026	Thấp	7.538	-2.680	-10.435	-1.495	-2.924	-4.225	-4.226
	Tb	10.036	-182	-7.937	1.003	-426	-1.727	-1.728
	Cao	12.534	2.316	-5.439	3.501	2.072	771	770
Dự báo Th.12/2026	Thấp	4.069	-1.498	-3.193	-824	-1.338	-1.083	-2.877
	Tb	5.235	-332	-2.027	342	-172	83	-1.711
	Cao	6.401	834	-861	1.508	994	1.249	-545

2.4. An ninh nguồn nước về ĐBSCL và vấn đề cần quan tâm trên đồng bằng

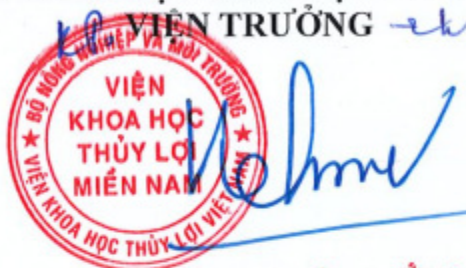
Kết quả phân tích dự báo cho thấy El Niño tiếp tục kéo dài đến tháng 2/2027 với xác suất 100% sẽ gây ra tác động rất lớn đến biến động dòng chảy thượng lưu ĐBSCL. Mưa được dự báo kết thúc sớm trên lưu vực tuy nhiên, lũ nhỏ ít bị ảnh hưởng bởi lũ nhưng có thể ảnh hưởng đến nguồn nước mùa kiệt năm 2026-2027. Chính vì vậy để đảm bảo an ninh nguồn nước cho phát triển sản xuất vụ Đông Xuân 2026-2027 trên đồng bằng cần chú ý đến bố trí sản xuất từ vụ Thu đông năm 2026 trên đồng bằng để đảm bảo kết thúc sớm đủ thời gian xuống giống sớm cho vụ Đông Xuân.

3. Kết luận & kiến nghị

Nguồn nước về đồng bằng qua Kratie mùa mưa năm 2026 được dự báo thuộc nhóm năm lũ nhỏ, dưới trung bình nhiều năm, tích nước ở các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm. Tích nước của các hồ chứa có thể làm dòng chảy về thấp ở các tháng đầu mùa lũ và cuối mùa lũ-đầu mùa kiệt năm 2026-2027, rất cần thiết cập nhật thông tin dự báo để chủ động các giải pháp chuyển đổi sản xuất vụ Đông Xuân 2026-2027 dự báo ảnh hưởng bởi El Nino lịch sử.

Để đảm bảo an ninh nguồn nước về đồng bằng Viện sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật các thông tin dự báo hàng tháng hoặc đột xuất khi có những biến động bất thường có thể tác động bất lợi đến ĐBSCL, các địa phương tiếp tục theo dõi thông tin cập nhật.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



PHÓ VIÊN TRƯỞNG
Nguyễn Nghĩa Hùng